

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
NĂM 2026 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số: 629/QĐ-ĐHTG ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Tiền Giang)

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
I. KHOA KINH TẾ - LUẬT (59 sinh viên)																
1	020152057	Ngô Thế Minh	Khôi	Nam	20/06/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Du lịch	ĐH	CQ	71,57	126	2,34	Trung bình
2	021152027	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	Nữ	16/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Du lịch	ĐH	CQ	69,38	126	2,36	Trung bình
3	022152005	Châu Thị Hồng	Yém	Nữ	17/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Du lịch	ĐH	CQ	91,14	124	2,84	Khá
4	022152015	Lưu Sơn	Trung	Nam	10/06/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Du lịch	ĐH	CQ	83,43	124	3,19	Khá
5	022152021	Huỳnh Văn	Hùng	Nam	16/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Du lịch	ĐH	CQ	72,25	128	2,32	Trung bình
6	022152027	Võ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	04/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Du lịch	ĐH	CQ	76,38	124	2,45	Trung bình
7	021102103	Trần Thanh Thùy	Sang	Nữ	17/09/1995	Kiên Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Kế toán	ĐH	CQ	87,60	126	2,81	Khá
8	022102008	Lê Đăng Ngọc	Quỳnh	Nữ	13/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	74,13	127	3,28	Giỏi
9	022102029	Lư Thị Thùy	Dương	Nữ	28/04/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	75,00	127	3,07	Khá
10	022102034	Bùi Thị Xuân	Thúy	Nữ	18/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	76,50	127	2,89	Khá
11	022102036	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	06/03/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	75,75	127	3,17	Khá
12	022102046	Lê Thành	Đạt	Nam	12/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	77,38	127	2,94	Khá
13	022102047	Phạm Gia	Thụy	Nữ	14/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	76,50	127	3,35	Giỏi
14	022102051	Lê Nguyễn Minh	Nguyên	Nữ	23/03/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	74,00	129	3,43	Giỏi
15	022102057	Nguyễn Thị Thuý	Vy	Nữ	09/05/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	75,13	127	2,93	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp
16	022102059	Phan Văn	Nhân	Nam	12/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Kế toán	ĐH	CQ	72,75	127	2,24	Trung bình
17	021150004	Lai Đỗ	Quân	Nam	18/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Kinh tế	ĐH	CQ	78,63	124	2,28	Trung bình
18	021150071	Võ Kim Ngọc	Giàu	Nữ	26/04/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Kinh tế	ĐH	CQ	68,75	124	2,41	Trung bình
19	022150003	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	07/06/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Kinh tế	ĐH	CQ	69,88	127	2,60	Khá
20	022150013	Trần Tiến	Đạt	Nam	03/01/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Kinh tế	ĐH	CQ	74,71	126	2,91	Khá
21	020154032	Phan Cao	Phúc	Nam	08/11/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Luật	ĐH	CQ	73,43	126	2,69	Khá
22	021154061	Lê Vu	Đình	Nữ	02/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Luật	ĐH	CQ	74,38	126	2,17	Trung bình
23	022154031	Trần Phước	Nhân	Nam	11/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Luật	ĐH	CQ	88,63	128	2,68	Khá
24	022154034	Phan Thị Mỹ	Hương	Nữ	28/12/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Luật	ĐH	CQ	80,25	128	2,35	Trung bình
25	021115002	Phạm Ngô Bích	Phượng	Nữ	19/09/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	75,14	124	2,69	Khá
26	021115049	Cao Thị Trúc	Linh	Nữ	09/12/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	72,88	125	2,46	Trung bình
27	021115052	Phạm Thị Mỹ	Dung	Nữ	19/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	71,25	130	2,62	Khá
28	021115115	Trần Gia	Hân	Nữ	27/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	77,50	124	3,28	Giỏi
29	021115116	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	20/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	77,50	125	3,47	Giỏi
30	021115117	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	27/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	83,20	116	3,42	Giỏi
31	021115118	Huỳnh Lê Huỳnh	Như	Nữ	01/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	77,75	125	3,68	Xuất sắc
32	022115001	Nguyễn Mộng Hồng Cẩm Vân		Nữ	22/10/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	74,50	126	2,80	Khá
33	022115008	Lê Đoàn Quỳnh	Như	Nữ	28/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	79,50	130	3,15	Khá
34	022115009	Bùi Thị Thúy	Diệp	Nữ	11/08/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	79,63	130	3,18	Khá
35	022115011	Trần Thị Ngọc	Hương	Nữ	27/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	85,63	125	3,13	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng tốt nghiệp
36	022115015	Nguyễn Ngọc Minh	Kha	Nam	22/10/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	90,38	126	3,07	Khá
37	022115019	Võ Huỳnh Ngọc	Thảo	Nữ	05/12/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	81,88	130	3,48	Giỏi
38	022115028	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	05/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	79,25	130	3,10	Khá
39	022115029	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	31/07/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	81,88	130	3,40	Giỏi
40	022115032	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	30/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	79,00	128	3,27	Giỏi
41	022115037	Nguyễn Thị Tú	Ân	Nữ	22/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	85,25	114	3,07	Khá
42	022115039	Võ Thị Tường	Vy	Nữ	23/08/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	81,75	130	3,48	Giỏi
43	022115042	Đặng Thị Phượng	Hồng	Nữ	08/06/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	92,38	130	3,74	Xuất sắc
44	022115063	Nguyễn Thị Trúc	Thảo	Nữ	19/09/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	82,25	124	3,27	Giỏi
45	022115066	Trần Ngọc Xuân	Mai	Nữ	16/02/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Quản trị kinh doanh	ĐH	CQ	72,50	128	2,75	Khá
46	022148013	Vương Huỳnh Khánh	Tiên	Nữ	18/06/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	78,38	112	2,88	Khá
47	022148017	Lê Thanh	Phong	Nam	28/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	77,88	127	2,60	Khá
48	022148020	Lê Đỗ Yên	Đan	Nữ	12/04/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	87,50	127	3,46	Giỏi
49	022148026	Trần Tuấn	Nghĩa	Nam	19/12/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	81,13	127	3,37	Giỏi
50	022148031	Võ Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/08/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	74,88	127	2,59	Khá
51	022148041	Lâm Gia	Hân	Nữ	09/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	73,50	126	2,92	Khá
52	022148043	Trần Thị Ân	Doanh	Nữ	25/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	78,25	127	3,08	Khá
53	022148048	Trịnh Kim	Ngọc	Nữ	27/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	71,25	128	2,52	Khá
54	022148054	Trần Thanh	Vàng	Nữ	18/04/2004	Đồng Nai	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	82,38	127	3,75	Xuất sắc
55	022148055	Hồ Thị	Thon	Nữ	10/06/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	82,13	127	3,79	Xuất sắc

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp
56	022148056	Huỳnh Chí	Nghĩa	Nam	03/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	68,38	128	2,74	Khá
57	022148057	Phan Ngọc Bảo	Trần	Nữ	25/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	70,13	128	2,36	Trung bình
58	022148058	Bùi Lê Anh	Thư	Nữ	13/06/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	79,50	127	3,23	Giỏi
59	022148059	Trần Ngọc	Diễm	Nữ	14/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	CQ	81,88	127	3,61	Xuất sắc

II. KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ (44 sinh viên)

1	019146007	Trương Văn	Qui	Nam	07/11/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	68,00	128	2,65	Khá
2	019146013	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	08/03/2000	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2019	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	68,00	128	2,46	Trung bình
3	022146006	Võ Hoài	Nhân	Nam	21/09/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	74,63	128	3,29	Giỏi
4	022146011	Lương Nguyễn Anh	Kỳ	Nam	27/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	76,50	129	2,43	Trung bình
5	022146013	Nguyễn Lý	Kiệt	Nam	13/09/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	79,63	130	2,67	Khá
6	022146016	Bùi Vĩnh	Khang	Nam	19/05/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	71,75	129	3,04	Khá
7	022146019	Phạm Huỳnh Nhật	Huy	Nam	31/07/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	77,43	130	2,98	Khá
8	022146021	Nguyễn Trần Thoại	Vương	Nam	27/05/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH	CQ	71,88	130	2,73	Khá
9	018137083	Nguyễn Thế Bằng	Giang	Nam	27/01/2000	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2018	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	ĐH	CQ	67,57	126	2,49	Trung bình
10	021137021	Đỗ Văn	Hùng	Nam	24/02/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	ĐH	CQ	68,00	129	2,44	Trung bình
11	022137015	Lê Nguyễn Tường	Huy	Nam	22/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	ĐH	CQ	78,50	130	2,41	Trung bình
12	022147005	Nguyễn Phước Gia	Huy	Nam	04/10/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	68,88	127	2,70	Khá
13	022147010	Nguyễn Thanh	Dư	Nam	29/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	72,25	126	2,37	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	ĐH	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng tốt nghiệp
14	022147013	Trần Quốc	Huy	Nam	28/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	83,00	127	2,69	Khá
15	022147015	Võ Minh	Phước	Nam	01/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	84,57	127	2,74	Khá
16	022147016	Nguyễn Minh	Lộc	Nam	21/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	83,00	127	2,43	Trung bình
17	022147022	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	26/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	ĐH	CQ	81,00	127	2,70	Khá
18	020109024	Lê Long	Hoàng	Nam	21/11/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	72,75	123	2,03	Trung bình
19	021109041	Trần Minh	Thiện	Nam	04/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	75,75	124	2,50	Khá
20	022109002	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	27/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	72,63	123	2,65	Khá
21	022109006	Đinh Văn	Hòa	Nam	27/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	72,14	123	2,48	Trung bình
22	022109012	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	06/06/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	86,13	124	2,27	Trung bình
23	022109015	Phạm Minh	Tâm	Nam	24/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	73,29	123	2,55	Khá
24	022109019	Trần Công	Toại	Nam	25/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	CQ	77,43	123	2,71	Khá
25	020101004	Trần Tấn	Đạt	Nam	11/01/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	84,25	125	2,23	Trung bình
26	020101106	Đỗ Thị Bích	Thảo	Nữ	09/08/2002	Bạc Liêu	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	70,00	123	2,00	Trung bình
27	021101011	Liêu Phước	Huy	Nam	17/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	69,50	127	2,48	Trung bình
28	021101026	Võ Văn	Quý	Nam	23/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	87,25	128	2,35	Trung bình
29	021101046	Đặng Nguyễn Anh	Khoa	Nam	13/10/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	70,75	127	2,26	Trung bình
30	021101050	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	10/10/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	76,00	128	2,82	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng tốt nghiệp
31	021101061	Lê Quang	Thành	Nam	21/08/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	68,88	124	2,32	Trung bình
32	021101093	Dương Thành	Phúc	Nam	18/03/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	72,75	124	2,24	Trung bình
33	021101107	Ngô Nhựt	Anh	Nam	20/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	67,88	126	2,01	Trung bình
34	021101111	Lê Tấn	Tài	Nam	17/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	65,50	123	2,52	Khá
35	021101115	Đào Trọng	Nghĩa	Nam	10/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	63,00	124	2,20	Trung bình
36	021101130	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	07/05/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	65,13	126	2,33	Trung bình
37	022101006	Phạm Minh	Tuấn	Nam	04/11/2004	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	75,75	130	2,81	Khá
38	022101016	Đặng Hoàng	Qui	Nam	03/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	75,75	128	2,39	Trung bình
39	022101029	Lê Công	Vinh	Nam	18/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	76,13	127	2,76	Khá
40	022101058	Trần Thị Quỳnh	Chương	Nữ	29/03/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	69,25	123	2,46	Trung bình
41	022101073	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	28/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	73,63	127	2,67	Khá
42	022101075	Nguyễn Dương Yến	Pha	Nữ	29/08/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	76,63	128	2,51	Khá
43	022101083	Nguyễn Ngọc Khánh	An	Nữ	09/03/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	74,63	125	2,76	Khá
44	022101108	Văng Duy	Thuận	Nam	09/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thông tin	ĐH	CQ	71,83	125	2,79	Khá
III. KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (12 sinh viên)																
1	022142005	Nguyễn Minh	Trọng	Nam	28/04/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Sinh học	ĐH	CQ	84,88	122	2,31	Trung bình
2	022142009	Dương Ngọc	Hải	Nam	14/12/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Sinh học	ĐH	CQ	75,43	122	2,86	Khá
3	020103029	Đặng Quỳnh	Như	Nữ	04/10/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	74,88	125	2,50	Khá
4	022103042	Nguy Ngọc Quỳnh	Giang	Nữ	03/02/2004	Bến Tre	Hoa	Việt Nam	2022	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	76,00	127	2,41	Trung bình
5	022103074	Đoàn Phạm Anh	Khoa	Nam	18/08/2004	Cà Mau	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	72,75	126	2,53	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	ĐH	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng tốt nghiệp
6	022103084	Văn Bá	Quốc	Nam	05/12/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	73,63	126	2,36	Trung bình
7	022103089	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	Nữ	05/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Công nghệ Thực phẩm	ĐH	CQ	71,75	126	2,47	Trung bình
8	021153003	Nguyễn Minh	Triệu	Nam	22/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Chăn nuôi	ĐH	CQ	68,63	129	2,13	Trung bình
9	021153010	Trần Quang	Minh	Nam	17/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Chăn nuôi	ĐH	CQ	74,71	128	2,82	Khá
10	022153005	Lê Võ Đăng	Nguyên	Nam	23/09/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Chăn nuôi	ĐH	CQ	70,75	126	2,35	Trung bình
11	020124022	Phạm Bình Hồng	Như	Nữ	10/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2020	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	CQ	76,57	126	2,47	Trung bình
12	021124007	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/09/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	CQ	74,00	129	2,62	Khá

IV. KHOA SƯ PHẠM VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN (08 sinh viên)																
1	121319106	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	Nữ	18/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CĐ	CQ	67,33	102	2,64	Khá
2	122125010	Dương Yên	Nhi	Nữ	17/11/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Giáo dục tiểu học	ĐH	CQ	79,43	126	3,14	Khá
3	121121040	Lê Hoàng Gia	Khang	Nam	08/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	73,29	128	2,32	Trung bình
4	121121041	Võ Thị Ngọc	Thơ	Nữ	20/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	71,57	128	2,62	Khá
5	122121015	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	01/10/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	86,57	126	2,99	Khá
6	122121017	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/02/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	90,00	126	2,98	Khá
7	122121019	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	31/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Sư phạm Toán học	ĐH	CQ	77,86	126	2,71	Khá
8	022151012	Lương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29/01/2004	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2022	Văn hóa học	ĐH	CQ	84,88	126	3,19	Khá

Danh sách có 123 sinh viên./